

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+VSP02+P4	7:25	5+17+0	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
2		RP1	7:25	22	0		22	0	
3		TD3+RC8+C10	7:25	12+6+4	0+0+0		9+3+8	0+0+0	
4		RP3+BK3+RC3	9:25	22+0+0	0+0+0		18+2+4	0+0+0	CHUYEN 2 BK3-RC3
5		CTC1+RC4+RP3	9:25	6+8+8	0+0+0		0+9+13	0+0+0	CHUYEN 2 CTC1-RC4
6		TD2+VSP02	9:25	3+19	0+0		1+19	0+0	
7		RP3+RC6+RC8	11:25	15+6+1	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
8		RP1+TD3+RCDM	11:25	13+5+3	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
9		RP3+TD1+P9	13:25	22+0+0	0+0+0		5+3+7	0+0+0	CHUYEN 2 TD1-P9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY rcdm-3NG, RC5-3NG, RC8-3NG, VSP02-4NG, RP1-5NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: RCDM - VSP02 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MINH PHUONG	RCDM						70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH BA DONG	RCDM						65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN DUC	RCDM	17	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
4	LE CHI BAO	RCDM	18	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG TIN	RCDM	19	1	14			90	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRUONG SA	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
7	SMIRNOV S	VSP02	92	1	4			100	KH-THAC	Russian
8	SABITOV A	VSP02						78	KH-THAC	Russian
9	GEFTMAN M	VSP02	87	1	3			105	KH-THAC	Russian
10	DUCHENKO A	VSP02	90-91	2	10			135	KH-THAC	Russian
11	SERGIENKO S	VSP02	93	1	5			85	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	09	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02	96	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DU	VSP02	99-100	2	12			75	YTE	Vietnamese
15	TRAN LE HOI	VSP02	97	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG NGOC CUONG	VSP02	98	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN KINH	VSP02	03	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUYET	VSP02	01-02	2	11			55	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HUU KHANH	VSP02	89	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM DUY QUANG	VSP02						65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN DUONG	VSP02	94-95	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
22	DO TRUNG DUNG	VSP02	88	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	5	372	3	25	0	0	3		
2	VSP02	17	1.297	18	102	0	0	17		
3	P4	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.669	21	127	0	0	22		
WEIGHT KG			1.669		127		0			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN TOAN	RP1						74	D-HANH	Vietnamese
2	BAM BUROV	RP1	51	1	5			97	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN DAI PHUC	RP1	49	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	MIRSAIA POV R	RP1	36	1	5			95	KH-THAC	Russian
5	LE HUY TAM	RP1	48	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TUAN ANH	RP1	37-38	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUNG DAI DUONG	RP1	47	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN VAN THIEM	RP1	50,53-54	3	20			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NANG	RP1	41	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG THANG	RP1						74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THI HANG	RP1	52	1	2			57	NIPI	Vietnamese
12	TRAN VAN LINH	RP1						75	NIPI	Vietnamese
13	BUI QUANG HOAN	RP1	45	1	6			102	YTE	Vietnamese
14	DO VAN KIEN	RP1	33	1	5			88	NHA THAU	Vietnamese
15	BUI NGOC LONG	RP1	44	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
16	VO VAN DONG	RP1						73	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VAN LIEN	RP1	40	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TRI KHANH	RP1	39	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG VU NHAT VINH	RP1	43	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN Y	RP1	34-35	2	14			73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	42	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN ANH TUAN	RP1	46	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	22	1.647	22	116	0	0	22		
TOTAL		22	1.647	22	116	0	0	22		
WEIGHT KG			1.647		116		0			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: TD3 - RC8 - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH -	ETA: 09:30
VANG-1		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	TD3						69	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM THAI	TD3	29	1	3			64	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	TD3						56	ANTOAN	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH CUÔNG	TD3	26	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ TUẤN ANH	TD3	23	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG THANH	TD3	22	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH QUANG DŨNG	TD3	24-25	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
8	CAO THANH HỢP	TD3	27-28	2	15			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HÂN	TD3	32	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG DŨNG	TD3	200	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRUNG HIỆU	TD3	33-34	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN KIM THẠCH	TD3	30-31,99	3	17			61	KH-THAC	Vietnamese
13	LARIN M.K	RC8	38	1	3			97	D-HANH	Russian
14	NGUYỄN CÔNG HOÀN	RC8						80	D-HANH	Vietnamese
15	BUI NGỌC ĐỎ	RC8						71	ANTOAN	Vietnamese
16	HUYNH MINH SANG	RC8	37	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TŨ	RC8	34	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG TUẤN ANH	RC8	35-36	2	15			80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC HƯƠNG	CLO	91	1	10			98	DVL	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG CHIẾN	CLO	93	1	14			82	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC NINH	CLO	92	1	19			74	DVL	Vietnamese
22	LÊ THANH TRUNG	CLO	90	1	14			75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	12	824	15	118	0	0	9		
2	RC8	6	484	5	28	0	0	3		
3	CLO	4	329	4	57	0	0	8		
TOTAL		22	1.637	24	203	0	0	20		
WEIGHT KG			1.637		203		0			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: RP3 - BK3 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - HUY	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LƯƠNG VĂN PHỒ	RP3	83	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC KIỆM	RP3	82	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	75	1	4	1	45	65	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ TẤN CHÂU	RP3	88	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
5	HA VAN NIN	RP3	76-77	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	73	1	9	1	20	85	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG HUNG	RP3	74	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	79	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
9	DANG VIET HUNG	RP3	71	1	7			78	KHI	Vietnamese
10	NGO MANH THUONG	RP3	884-885	2	15			60	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HONG KHANH	RP3	882-883	2	19			65	KHI	Vietnamese
12	PHẠM MINH TOÀN	RP3	89	1	5	2	18	57	YTE	Vietnamese
13	HA QUANG TRUNG	RP3	86	1	10	1	11	53	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG TUYẾN	RP3	87	1	15			63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN DUY LONG	RP3	880-881	2	19			58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG CHUÔNG	RP3	84	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	80	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HUNG	RP3	66	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CÔNG SOAI	RP3	78	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH TÂN NGON	RP3	85	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	81	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO ĐỨC THANH	RP3	72	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.530	26	182	5	94	16		
2	BK3	0	0	0	0	3	45	2 + 2		CHUYEN 2 PAX BK3-RC3
3	RC3	0	0	0	0	1	4	4		
TOTAL		22	1.530	26	182	9	143	22		
WEIGHT KG			1.530		182		143			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

linh vsp

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/10/2024	TO: CTC1 - RC4 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH -	ETA: 11:50
VANG- <i>9</i>		QTRƯỜNG	

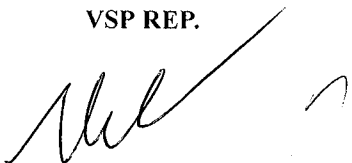
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRAVTSOV ALEXANDR	CTC1	01	1	18			72	DVL	Russian
2	PHẠM HAI LONG	CTC1	03	1	14			75	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN SANG	CTC1	02	1	13			65	DVL	Vietnamese
4	ĐÀO ANH HUYNH	CTC1	04-05	2	15			67	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TIẾP	CTC1	07-08	2	18			72	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐUNG	CTC1	06	1	16			60	DVL	Vietnamese
7	TRẦN MINH THI	RC4	80-81	2	16			113	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ QUỐC THÔNG	RC4	83	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	52,84	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ HUY HOANG	RC4	54	1	12			85	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN XUAN THANH	RC4	53	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC THUẬN	RC4	82	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN CAO MONG	RC4	79	1	5			58	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NGHĨA	RC4	78	1	5			63	PSV	Vietnamese
15	TRẦN QUY HAI	RP3						65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT HUNG	RP3	31-32	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUAN QUANG	RP3	34	1	7	7	95	70	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	RP3	35	1	8			70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN THE HUY	RP3	28	1	10			78	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TUNG	RP3	29	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ THANH LAM	RP3	33	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG HAI HA	RP3	30	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	6	411	8	94	0	0	04	2	CHUYEN 2 PAX CTC1-RC4
2	RC4	8	605	10	83	0	0	9		
3	RP3	8	542	8	55	7	95	13		
TOTAL		22	1.558	26	232	7	95	22		
WEIGHT KG			1.558		232		95			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: TD2 - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD2	96-97	2	17	4	80	78	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	TD2	98	1	5			71	DVL	Vietnamese
3	LÊ PHÚ PHÚC	TD2	95	1	8			85	DVL	Vietnamese
4	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	23	1	13			85	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ TÂN LINH	VSP02	12	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	14	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	19	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRỌNG TUÂN	VSP02	16	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI XUÂN TIỀN	VSP02						69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THAI SƠN	VSP02	17	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	HA MẠNH THẮNG	VSP02	13	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY BÌNH	VSP02	22	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	26	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	15	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU TRI	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	VSP02	10	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
17	LŨ SƠN	VSP02	24	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH ANH BAO	VSP02	21	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	25	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	20	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	18	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	11	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	3	234	4	30	4	80	2		
2	VSP02	19	1.371	17	120	0	0	19		
TOTAL		22	1.605	21	150	4	80	21		
WEIGHT KG			1.605		150		80			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: RP3 - RC6 - RC8	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HÙNG - HTRUNG - THANH	ETA: 14:00
DO-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH QUANG THANH	RP3	08	1	9	3	55	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP3	09-10	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	44	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	92	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NAM TRUNG	RP3	43	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TUẤN VŨ	RP3	93	1	7			98	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT TOÀN	RP3	91	1	6			94	PSV	Vietnamese
8	VÕ ĐÌNH HÀ	RP3	88-89	2	17			62	KHI	Vietnamese
9	VỊ ĐỨC TŨ	RP3	45-46	2	15			64	KHI	Vietnamese
10	PHẠM DUY PHƯƠNG	RP3	07	1	10			50	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI THỨC	RP3	90	1	6			52	KHI	Vietnamese
12	VÕ VĂN THUẬN	RP3	97	1	10			51	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU BÌNH	RP3	98-99	2	18			69	KHI	Vietnamese
14	TRỊNH VĂN SY	RP3	11	1	5			85	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CẢNH THÂN	RP3	900	1	8			60	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN VƯỢNG	RC6	21-22	2	20	1	15	75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	24	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUỐC VIỆT	RC6						80	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU TIẾN BÌNH	RC6	25-26	2	20	1	8	62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6						70	KH-THAC	Vietnamese
21	KIEU MINH QUYẾT	RC6	23	1	5			64	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TAT TÂM	RC8	47	1	5			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	15	1.047	19	137	3	55	13		
2	RC6	6	421	6	55	2	23	5		
3	RC8	1	54	1	5	0	0	4		
TOTAL		22	1.522	26	197	5	78	22		
WEIGHT KG			1.522		197		78			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: RP1 - TD3 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: QVIỆT - ĐNAM - NNAM	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TÀNG THANH DÂN	RP1	04	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VIET HUNG	RP1	05	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THÔNG	RP1	02	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN THANH	RP1	09	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐÌNH THAM	RP1	38	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH HUNG	RP1	11	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	01	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG HIEU	RP1	03	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC NHAN	RP1	11	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN TIẾN	RP1	01	1	8	2	37	78	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ NGUYEN	RP1	01,85	2	20			80	NPI	Vietnamese
12	ĐẠO HAI NAM	RP1	300,08	2	20			74	NPI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HUONG	RP1	06-07	2	15			71	CODIEN	Vietnamese
14	VU ĐÌNH ĐẠI	TD3	69-70	2	20			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUẤN ANH	TD3	72	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẠO ĐỨC ĐÔNG	TD3	68	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN ANH TIẾN	TD3	66-67	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VĂN PHE	TD3	71	1	6			67	PSV	Vietnamese
19	TU TUẤN TỰ	RCDM	21	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH MINH TRI	RCDM	20	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIẾN THUẬT	RCDM	22	1	8			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	13	930	16	116	2	37	10		
2	TD3	5	343	7	70	0	0	6		
3	RCDM	3	217	3	22	0	0	6		
TOTAL		21	1.490	26	208	2	37	22		
WEIGHT KG			1.490		208		37			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2024	TO: RP3 - TD1 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HÙNG - HTRUNG - THANH	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE HOANG ANH	RP3	81	1	8			70	KHI	Vietnamese
2	DUONG HONG QUAN	RP3	73	1	6			73	KHI	Vietnamese
3	BUI VAN PHU	RP3	68	1	5			65	KHI	Vietnamese
4	ĐO XUAN LOI	RP3	76	1	7			73	KHI	Vietnamese
5	VU VAN PHUOC	RP3	79	1	3			65	KHI	Vietnamese
6	MAI ĐỨC CUONG	RP3	77	1	3			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	88	1	7	5	50	70	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN ĐUC	RP3	89	1	6			80	KHI	Vietnamese
9	TRAN MANH TUNG	RP3	90	1	5			95	KHI	Vietnamese
10	TRAN VAN BAU	RP3	69-70	2	20			65	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SY	RP3	86-87	2	15			75	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN MẠNH	RP3	78	1	7			83	KHI	Vietnamese
13	TRIỆU VĂN ĐÔNG	RP3	82	1	10			83	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TOAN	RP3	83	1	6			73	KHI	Vietnamese
15	TRAN VAN HOANG	RP3	74	1	10			78	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN CAO CUONG	RP3	67	1	8			70	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN XUNG	RP3	71-72	2	10			66	KHI	Vietnamese
18	TRAN XUAN NGHINH	RP3	80	1	9			73	KHI	Vietnamese
19	THAI DOAN VIET	RP3	75	1	6			70	KHI	Vietnamese
20	LE HAI HOA	RP3	84-85	2	15			82	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN CHIEN THANG	TD1	03-04	2	18	1	7	65	KHI	Vietnamese
22	EREMEEV EVGENYI	TD1	06	1	15			95	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	20	1.483	24	166	5	50	5		
2	TD1	2	160	3	33	1	7	3	7	CHUYEN 2 PAX TD1-P9
3	P9	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	1.643	27	199	6	57	15		
WEIGHT KG			1.643		199		57			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2024	TO: BK9 - P1 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - VŨ	ETA: 15:00
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	BK9	83	1	7	2	46	81	CODIEN	Vietnamese
2	KIM NHẬT THANH	BK9	98	1	8	1	20	73	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	94	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ THẾ HẬU	BK9						70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TRƯỞNG AN	BK9	93	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	96-97	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG VĂN HAI	BK9	59	1	10	2	28	80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG TUNG	BK9	48	1	14			85	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO LỸ KHÁNH	BK9	95	1	12			85	PSV	Vietnamese
10	HÀ VĂN TRANG	P1	08-09	2	10	1	20	68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	P1	12	1	20			70	XAYLAP	Vietnamese
12	HÀ VĂN SÁU	P1	07	1	20			59	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC TUÂN	P1	10-11	2	20			83	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀI NAM	P1	14	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK9	9	689	9	77	5	94	7		
2	P1	5	358	7	82	1	20	4		CHUYEN 2 PAX P1-P10
3	P10	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		14	1.047	16	159	6	114	22		
WEIGHT KG			1.047		159		114			

GRAND TOAL: 1.320 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN